

## ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HÀ NỘI

TẠP CHÍ KHOA HỌC No 3 + 4 - 1992

# CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ QUAN HỆ ĐOÀN KẾT VIỆT - TRUNG

NGUYỄN HUY QUÝ\*

Trong cuốn "Hồ Chí Minh": một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp" đồng chí Phạm Văn Đồng viết rằng: "Hồ Chí Minh là hiện thân của tinh thần "Quan sơn muốn dặm một nhà, bốn phương vô sản đều là anh em" và của lý tưởng "Người với người là bạn". Sự thật là như vậy: trong trái tim nhân ái của Hồ Chí Minh, lòng yêu đồng bào và tình yêu nhân loại, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế là một. Tư tưởng và tình cảm đó của Người đã biến thành một nguồn sức mạnh chiến thắng của Cách mạng Việt Nam.

Do hoàn cảnh địa lý và lịch sử, Trung Quốc là nước láng giềng có quan hệ mật thiết với Việt Nam, và cũng là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh dừng lại lâu nhất trong quá trình hoạt động Cách mạng ở nước ngoài. Người đã dày công xây đắp mối tình hữu nghị và quan hệ đoàn kết giữa nhân dân hai nước Việt - Trung được thể hiện trong câu thơ:

"Mối tình thắm thiết Việt - Hoa

Vừa là đồng chí, vừa là anh em".

### I - Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Người mở đầu giai đoạn mới trong lịch sử quan hệ đoàn kết Việt - Trung:

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có mối quan hệ lịch sử lâu đời. Dưới thời phong kiến, các triều đình đế chế Trung Quốc nhiều lần đem quân đánh chiếm nước ta, nhưng quan hệ hai nước không chỉ có mặt xâm lược và chống xâm lược, mà còn có mặt giao lưu hữu hảo giữa nhân dân hai nước.

Từ giữa thế kỷ XIX Việt Nam và Trung Quốc cùng chung cảnh ngộ bị chủ nghĩa đế quốc thực dân nô dịch. Trong cuộc đấu tranh chống đế quốc phong kiến giành độc lập dân chủ, nhân dân hai nước đã có sự thông cảm đồng tình, giúp đỡ lẫn nhau Tôn Trung Sơn đã mấy lần đến Việt Nam trong những ngày hoạt động Cách mạng. Phan Bội Châu và nhiều chí sĩ yêu nước Việt Nam cũng đã từng sang Trung Quốc. Mộ Phạm Hồng Thái trong nghĩa trang Quảng Châu nằm bên cạnh mộ các liệt sĩ Cách mạng Trung Quốc.

---

(+) Phó Giáo sư Khoa Lịch sử Đại học Tổng hợp Hà Nội

Nhưng, cho tới lúc bấy giờ, quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước vẫn còn ở mức tự phát, chưa có tổ chức.

Có thể nói quan hệ đoàn kết Việt - Trung được chính phủ thức thiết lập, phải đợi đến một ngày năm 1924 khi con tàu Xô Viết rẽ sóng trên dòng sông Châu giang đưa Nguyễn Ái Quốc đến Quảng châu, trung tâm Cách mạng Trung Quốc lúc bấy giờ. Chính trong những năm đầu ở Quảng châu với cương vị là đại diện của Bộ Phương Đông thuộc Ban chấp hành Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã bắc nhịp cầu hữu nghị đầu tiên giữa các tổ chức đại diện cho phong trào Cách mạng của hai nước. Chính phủ Quốc dân của Tôn Trung Sơn, Đảng cộng sản Trung Quốc và Việt Nam thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, từ năm 1930 là Đảng cộng sản Việt Nam.

Từ đó, một giai đoạn mới trong lịch sử quan hệ Việt - Trung đã bắt đầu. Dưới sự lãnh đạo của hai Đảng cộng sản hai nước, nhân dân Việt Nam và Nhân dân Trung Quốc đã sát cánh bên nhau, chi viện lẫn nhau trong đấu tranh Cách mạng và trong xây dựng đất nước. Từ năm 1930 quan hệ ngoại giao đã được thiết lập giữa Việt Nam dân chủ cộng hòa và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

## **II - Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người xây đắp tình hữu nghị giữa hai dân tộc Việt - Hoa:**

Từ trước khi đặt chân lên đất nước Trung Hoa, Hồ Chí Minh, đã có một sự hiểu biết sâu rộng đối với tình hình Trung Quốc.

Xuất thân trong một gia đình nho học, từ nhỏ Hồ Chí Minh đã thông hiểu "Tứ thư" "Ngũ kinh", đọc "Tam quốc chí" "Tây du ký", đọc Kháng Hữu Vi, Lương Khải Siêu, và đọc cả Mông - texkiơ qua bản dịch Hán văn. Trong những năm ở Pháp, Người đã viết cuốn "Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc" đăng nhiều bài báo về "tình hình Trung Quốc" L'Humanité 4-12-1923) "Chủ nghĩa cộng sản và thanh niên Trung Quốc" (L' Humanité 19/8/1922), "các nước đế quốc chủ nghĩa và Trung Quốc" (Correspondance internationale. Số 67/1924), "tình cảnh nông dân Trung Quốc" la vie ouvriere 4-1-1924) "Những vấn đề Châu Á" (giới thiệu về nội chiến ở Trung Quốc, Conrespondance internationale. Số 19-1925).V.V... Người thể hiện sự đồng cảm sâu sắc với những người nông dân Trung quốc nghèo khổ "... trước khi dù nghèo đến đâu đi nữa cũng có được một mảnh đất để có thể kiếm lấy nén hương cúng tổ tiên. Song ngày nay họ không có lấy một miếng đất để cắm dùi..." Người lên án chính sách nô dịch của chủ nghĩa đế quốc và đòi "... Trung Quốc phải là của người Trung Quốc, và người Trung Quốc phải được tự do giải quyết công việc của mình theo ý muốn của mình...". Người gợi ý "... các đồng chí Trung Quốc của chúng ta phải tiến hành mạnh mẽ một cuộc vận động khẩn trương để giáo dục quần chúng, làm cho quần chúng thấy thật rõ sức mạnh của mình, quyền lợi của mình và có đủ khả năng thực hiện được khẩu hiệu "tất cả ruộng đất về tay nông dân " !

Sau khi tới Quảng Châu, Hồ Chí Minh đã được nhân dân và các nhà lãnh đạo Cách mạng Trung Quốc giúp đỡ nhiều trong việc tổ chức và phát triển lực lượng Cách mạng Việt Nam. "Ban huấn luyện chính trị đặc biệt", lớp huấn luyện cán bộ Cách mạng Việt Nam do đồng chí Vương chủ trì, được chính quyền Cách mạng Trung Quốc coi như một bộ phận của Học viện quân sự Hoàng Phố, được giúp đỡ mọi mặt và tiến hành hoạt động

hầu như công khai. Về phần mình Hồ Chí Minh và các đồng chí của Người đã có đóng góp cho Cách mạng Trung Quốc. Hồ Chí Minh và người bạn Trung Quốc thân thiết Trương Thái Lôi (một cán bộ lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc) cùng làm việc trong phòng phiên dịch của Bô - Rô - Đin, cố vấn của chính phủ Quốc dân ở Quảng châu. Hồ Chí Minh đã cử nhiều đồng chí của mình vào học tại Học viện quân sự Hoàng Phố và tham gia nhiều trận chiến đấu bên cạnh những chiến sĩ Cách mạng Trung Quốc chống bọn quân phiệt phản động, tham gia cuộc khởi nghĩa Quảng châu công xã. Sau lần bị bắt lần thứ nhất ở Hương cảng và được luật sư Lô - đơ - bai giúp đỡ ra tù, Hồ Chí Minh đã được Bà Tống Khánh Linh giúp đỡ nối lại liên lạc với các đồng chí của mình.

Đầu năm 1934 Hồ Chí Minh sang lại Liên Xô và cuối năm 1938 Người trở về Trung Quốc, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc đang trong giai đoạn quyết liệt nhất. Trên đường từ Tây an, Diên an, sau đó tới Quế lâm, rồi Côn minh, Hồ Chí Minh (với nhiều bí danh: Hồ Quang, đồng chí Trần, đồng chí Vương...) đã tham gia hoạt động trong một đơn vị Bất lộ quân Trung Quốc. Người đã tận mắt chứng kiến và vô cùng xúc động trước những tội ác dã man của giặc Nhật đối với nhân dân Trung Quốc. Trong thời gian này, Hồ Chí Minh đã viết cuốn sách "Đặc khu", và dưới danh nghĩa một nhà báo Trung Quốc, ký tên Line, Người đã viết nhiều bài gửi đăng trên báo "Tiếng nói của chúng ta" (Notre voix) tuần báo công khai bằng tiếng Pháp của Đảng ta xuất bản tại Hà nội trong thời kỳ mặt trận dân chủ, tố cáo tội ác man rợ của bọn Nhật và ca ngợi cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc.

Ngày 8 tháng 2 năm 1941, cột mốc số 108 biên giới Việt - Trung đã chứng kiến một sự kiện lịch sử. Sau 30 năm bôn ba ở Hải ngoại, trong đó gần 13 năm ở Trung Quốc, Hồ Chí Minh - người con vĩ đại của Tổ Quốc Việt Nam đã trở về, mang theo cả những tình cảm lớn lao, sâu nặng của đồng chí, bạn bè khắp năm châu, bốn biển, mà gần gũi nhất là của nhân dân Trung quốc anh em. Ngày 13/8/1942, Hồ Chí Minh với tư cách là đại biểu của Việt nam độc lập đồng minh và Phân bộ Quốc tế phản xâm lược của Việt Nam lại sang Trung Quốc để liên lạc với các lực lượng Cách mạng tại đó, mục đích là để nghiên cứu tình hình và tranh thủ sự giúp đỡ từ bên ngoài cho Cách mạng Việt Nam. Không may, Người bị chính quyền địa phương của bọn phản động Tưởng Giới Thạch bắt giữ, giải qua hơn 30 nhà tù của 13 huyện trong tỉnh Quảng Tây. Sau khi được ra tù, nhờ sự nỗ lực của các đồng chí ta và sự ủng hộ của dư luận Trung Quốc, Người tiếp tục hoạt động nhằm tranh thủ các lực lượng chống Nhật, chống Pháp ở Liên châu, tới tháng 7/1944 mới về nước. Cuối năm ấy, Người lại sang Côn Minh dự Hội nghị đồng minh chống phát xít, tới đầu năm 1945 mới về Pác bó.

Như vậy, từ năm 1924 đến 1945, trong khoảng thời gian 20 năm Hồ Chí Minh luôn hoạt động trên địa bàn Trung Quốc. Trong khoảng thời gian đó, sự nghiệp Cách mạng của nhân dân hai nước Việt - Trung ngày càng gắn bó bền chặt, mối tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước ngày càng thân thiết sâu nặng.

Tháng 8/1945 Cách mạng Việt Nam thành công, nhưng cách mạng Trung Quốc còn phải trải qua cuộc nội chiến quyết liệt cho tới giữa năm 1949. Tháng 3/1949, đại diện giải phóng quân Trung Quốc sang Việt nam đề nghị phối hợp đánh quân Quốc dân Đảng, giúp Trung quốc xây dựng khu giải phóng Ung - Long - Khâm - gồm ba huyện Ung Minh, Long Châu và Khâm Châu của Trung Quốc tiếp giáp với các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn của ta) Mặc dù bấy giờ cuộc kháng chiến chống Pháp của ta còn trong giai đoạn gay go

quyết liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn chỉ thị cho Bộ Tổng tư lệnh đáp ứng yêu cầu của các đồng chí Trung Quốc. "Bộ tư lệnh khu thập vạn đại sơn" đã được thành lập do đồng chí Lê Quảng Ba (chỉ huy trưởng mặt trận đông bắc của ta) làm tư lệnh, và đồng chí Trần Minh Giang (đại diện của giải phóng quân biên khu Việt - Quế Trung Quốc) làm chính trị viên. Bản mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam nêu rõ nhiệm vụ của các cán bộ, chiến sĩ ta là phải thực hiện tốt "nhiệm vụ đoàn kết phấn đấu giữa hai nước Trung Quốc và Việt Nam mới, giữa giải phóng quân và quân ta..." Quân ta đã chiến thắng ở Thập vạn đại sơn, và nhân dân Trung Quốc ở đại phương đó đã gọi quân ta là "quân giải phóng Việt Nam".

Sau khi Cách mạng Trung Quốc thành công, hai nước đã chính thức đặt quan hệ ngoại giao. Trung Quốc đã giúp đỡ nhiều cho cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở nhân dân ta phải tăng cường đoàn kết với nhân dân các nước anh em, nhất là tình đoàn kết "Việt - Trung - Xô".

Tinh thần đoàn kết Việt - Trung của Chủ tịch Hồ Chí Minh không những thể hiện ở tình cảm của Người đối với nhân dân Trung Quốc, mà còn thể hiện ở sự ân cần của Người đối với bà con Hoa kiều ở Việt Nam. Ngay trong những ngày đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám, mặc dù bận trăm công nghìn việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn rất quan tâm đến bà con Hoa Kiều. Người lập một danh sách các giới, các đoàn thể muốn tiếp chuyện như sau: "... các báo Việt và Tàu - văn hóa giới - công giáo - công hội, thương giới - thanh niên - Hoa kiều - công chức - Phật giáo - Nông hội - Phụ nữ - Nhi đồng". Ta có cảm tưởng các báo Tàu và Hoa kiều đối với Chủ tịch không còn là xa cách như khái niệm ngoại kiều bình thường nữa, mà thực sự chân tình như bà con thân thiết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Trong nhiều cuộc diễu hành của quần chúng tại Quảng trường Ba Đình trong những ngày lễ lớn, hàng ngũ bà con Hoa kiều đi bên cạnh bà con Việt Nam, Bác Hồ bao giờ cũng chú ý tươi cười chào vẫy tay và bà con Hoa kiều vẫy hoa tỏ lòng kính yêu Người. Trong lời tuyên bố với quốc dân sau khi đi Pháp về, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói: "tôi không thể không nhớ đến Hoa kiều và kiều dân các nước", ai cũng nhớ câu "Huynh đệ chi bang, đồng chu cộng tế" (anh em trong một nước, cũng như người trong một chiếc thuyền, cùng có nghĩa vụ cứu giúp nhau trong cơn hoạn nạn).

Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương bình đẳng giữa các cộng đồng, cư dân trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó có bà con Hoa kiều. Trong báo cáo chính trị tại Đại hội II của Đảng ta, Người nói: "Đối với Hoa kiều, thì nên khuyến khích họ tham gia kháng chiến của Việt Nam. Nếu họ tình nguyện thì sẽ được hưởng mọi quyền lợi và làm nghĩa vụ như công dân Việt Nam".

Đáp lại tình cảm hữu nghị của nhân dân Việt Nam và sự quan tâm ân cần của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng bào Hoa kiều đã có những đóng góp vào hai cuộc kháng chiến và sự nghiệp xây dựng đất nước của các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam. Quan hệ hữu nghị giữa hai nước Trung Việt và quan hệ đoàn kết giữa Hoa kiều với các dân tộc Việt Nam đan chéo nhau, tác động lẫn nhau.

Tư tưởng và tình cảm đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thu phục được lòng người. Sau khi Bác qua đời, nhân dân Trung Quốc vẫn giữ mãi lòng kính yêu đối với Người, ngay trong những năm tháng sóng gió của quan hệ Việt Trung - Việt.



### III - Mấy suy nghĩ về những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu:

1/ Về tầm quan trọng của quan hệ đoàn kết Trung - Việt. Do hoàn cảnh địa lý và lịch sử, quan hệ đoàn kết hữu nghị Trung - Việt là một nhân tố cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng và công cuộc xây dựng của hai nước trong bối cảnh quốc tế hiện nay, sự đoàn kết giữa hai nước Việt Nam - Trung quốc càng có tầm quan trọng đặc biệt. Dù có những hạn chế, khó khăn trở ngại, nhân dân hai nước đều mong muốn khôi phục, củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dày công xây đắp. Nội dung và hình thức và mức độ của mối quan hệ luôn thay đổi tùy theo từng giai đoạn, tùy theo sự phát triển của tình hình trong nước và quốc tế, nhưng quan hệ hữu nghị Việt - Trung luôn luôn có ý nghĩa lâu dài và thiết thực trong sự hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau.

2/ Trong quan hệ Việt - Trung, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn đứng trên lập trường của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, thể hiện lòng tôn trọng và tin cậy đối với nhân dân Trung Quốc. Mặt dầu có những vấn đề bất đồng và bất hòa, chúng ta cần nỗ lực tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, tôn trọng và thông cảm giữa nhân dân hai nước nhằm phát huy tình hữu nghị lâu dài giữa hai dân tộc. Trong nghiên cứu khoa học, trước hết là sử học, nên có những chuyên đề đi sâu nghiên cứu quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước Việt - Trung trong lịch sử, một lĩnh vực nên được chú ý đúng mức hơn.

3/ Quan hệ Nhà nước Việt Nam - Trung quốc cần xuất phát từ lòng chân tình có tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau, đồng thời tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. Sau cách mạng tháng Tám, trả lời câu hỏi của một nhà báo rằng diễn biến tình hình nội chiến ở Trung Quốc phải chăng sẽ có ảnh hưởng quyết định đối với tình hình ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "độc lập của Việt Nam luôn luôn nhờ nơi lực lượng của Việt Nam" Cùng với việc giữ gìn nền độc lập quốc gia, Người luôn quan tâm đến sự củng cố khối đoàn kết quốc tế. Từ đầu những năm 1960 quan hệ giữa hai Đảng và hai Nhà nước Liên Xô - Trung Quốc ngày càng phức tạp, chuyển sang đối đầu ngày càng quyết liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương Đảng và Nhà nước ta phải giữ lập trường ngoại giao độc lập và tự chủ, tích cực góp phần vào sự khôi phục quan hệ đoàn kết các nước anh em trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Lập trường thiện chí và tự chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quan hệ Xô - Trung đã giành được sự kính trọng của các nhà lãnh đạo hai nước, và cả hai nước đều giúp đỡ Việt Nam trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Tóm lại, quan hệ đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc có tầm quan trọng lớn về mặt đối ngoại cũng như về mặt đối nội trong sự nghiệp cách mạng và công cuộc xây dựng đất nước ta. Việc tìm hiểu tư tưởng và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quan hệ Việt - Trung là một đề tài cần được triển khai. Trong đó có ba nội dung nên tập trung khai thác: hoạt động ngoại giao của Nguyễn Ái Quốc trong những năm ở Trung Quốc (1924-1944); Chủ tịch Hồ Chí Minh và quan hệ giữa Việt Nam dân chủ cộng hòa và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1945 -1949-1969); Chủ tịch Hồ Chí Minh và vấn đề đoàn kết với cộng đồng người Hoa ở Việt Nam (1945-1969). Kết quả của những đề tài nghiên cứu trên sẽ góp phần tạo cơ sở khoa học cho việc chế định đường lối chính sách đối ngoại và đối nội của Đảng và Nhà nước ta.